

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HOÀ BÌNH
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 77/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 04-08-2023

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀ BÌNH, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Mỹ Xuyên

Các hội thẩm nhân dân:

1/- Ông Huỳnh Tài Em

2/- Ông Liêu Tài Ngoánh

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Văn Dư - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Văn Hữu Tuấn- Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 08 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hoà Bình, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 170/2023/TLST- HNGĐ ngày 15 tháng 05 năm 2023 về tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2023/QĐXX-ST ngày 13 tháng 07 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lê Văn T, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp Y, xã R, thị xã G, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Chị Huỳnh Ngọc K, sinh năm 1985

Nơi đăng ký thường trú: Ấp Y, xã R, thị xã G, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: Ấp Q, thị trấn D, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

(Anh T và chị K có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 15 tháng 05 năm 2023 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là anh Lê Văn T trình bày: Anh và chị Huỳnh Ngọc K xây dựng hôn nhân gia đình vào năm 2008, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, đến năm 2011 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã R, thị xã G, tỉnh Sóc Trăng.

Quá trình chung sống anh T và chị K có 02 (hai) con chung tên: Lê Văn T1, sinh ngày 03/06/2009; Lê Hồng T2, sinh ngày 06/06/2016. Hiện cháu T1 và cháu T2 đang sống cùng với chị K.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa anh T và chị K là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xung đột, cự cãi nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Trong thời gian sống ly thân, anh T và chị K đã dùng nhiều biện pháp để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không thể hàn gắn được do không còn tình cảm với nhau và hiện tại, anh T không có nguyện vọng hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với chị K.

Nay, anh Lê Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn với chị Huỳnh Ngọc K; Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Văn T1, sinh ngày 03/6/2009; cháu Lê Hồng T2, sinh ngày 06/6/2016 cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục; Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, anh T không còn có yêu cầu gì khác.

Tại biên bản lấy lời khai đề ngày 12 tháng 07 năm 2023 và trong quá trình xét xử, bị đơn là chị Huỳnh Ngọc K trình bày: Chị K thống nhất theo trình bày của anh Lê Văn T về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung là đúng. Nay chị K không đồng ý ly hôn với anh Lê Văn T vì chị vẫn còn thương anh T, nên những vấn đề khác chị cũng không đồng ý. Trường hợp Tòa án xử cho anh T ly hôn với chị K thì ý kiến của chị về con chung: Chị K yêu cầu nuôi con chung là cháu Lê Văn T1, sinh ngày 03/6/2009; cháu Lê Hồng T2, sinh ngày 06/6/2016, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị K không còn ý kiến trình bày gì thêm.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

* Về tố tụng: Quá trình từ khi thụ lý đến khi xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng trình tự quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung đề xuất: Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lê Văn T.
2. Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Văn T1, sinh ngày 03/6/2009; cháu Lê Hồng T2, sinh ngày 06/6/2016 cho chị Huỳnh Ngọc K trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị K không yêu cầu. Anh T được quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.
3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra xem xét.
4. Án phí: Anh Lê Văn T phải nộp án phí sơ thẩm là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn là anh Lê Văn T khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con với chị Huỳnh Ngọc K, nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn là chị Huỳnh Ngọc K hiện đang sinh sống và cư trú tại ấp Q, thị trấn D, huyện H, tỉnh Bạc Liêu, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà, anh Lê Văn T và chị Huỳnh Ngọc K có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T và chị K.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về hôn nhân: Anh T và chị K xây dựng hôn nhân gia đình vào năm 2008, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương, đến năm 2011 mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã R, thị xã G, tỉnh Sóc Trăng và đã được Ủy ban nhân dân xã R, thị xã G, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 16/11/2011. Vì thế, hôn nhân giữa anh T và chị K là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T xác định: Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh T và chị K là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xung đột, cự cãi nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay. Từ khi sống ly thân với nhau, anh T và chị K đã dùng nhiều biện pháp để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không thể hàn gắn được do không còn tình cảm với nhau, nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị K.

Còn chị K xác định: Về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị K và anh T là do anh T có người phụ nữ khác, nên vợ chồng thường xuyên xung đột, cự cãi nhau dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc và đã sống ly thân từ đầu năm 2023 đến nay. Từ khi sống ly thân với nhau, chị K và anh T đã dùng nhiều biện pháp để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng nhưng không thể hàn gắn được do anh T không muốn hàn gắn tình cảm với chị K và kiên quyết yêu cầu xin ly hôn với chị K. Nay trước yêu cầu của anh T thì chị K không đồng ý ly hôn với anh T vì chị K xác định chị vẫn còn thương anh T.

Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân muốn tồn tại bền vững thì phải dựa trên cơ sở tự nguyện; vợ chồng phải biết thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau xây dựng gia đình phát triển. Tuy nhiên, trong quá trình chung sống anh T và chị K không biết tôn trọng nhau để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc mà vợ chồng lại xảy ra xung đột, cự cãi nhau, dẫn đến hiện tại anh T và chị K đã phát sinh những mâu thuẫn không thể hàn gắn được. Chị K không đồng ý ly hôn với anh T nhưng chị K cũng không đưa ra được bất kỳ biện pháp nào để hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Trong khi đó, suốt quá trình giải quyết vụ án, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với chị K, không có nguyện vọng hàn gắn mối quan hệ hôn nhân. Điều này cho thấy hôn nhân giữa anh T và chị K đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung

không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lê Văn T đối với chị Huỳnh Ngọc K.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống giữa anh T và chị K có 02 (hai) con chung tên: Lê Văn T1, sinh ngày 03/6/2009; Lê Hồng T2, sinh ngày 06/6/2016. Hiện cháu T1 và cháu T2 đang sống cùng với chị K. Khi ly hôn, anh T có nguyện vọng giao hai con chung cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục.

Hội đồng xét xử xét thấy, theo khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: “2. *Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Xét thấy, tại thời điểm giải quyết, cháu T1 và cháu T2 đã đủ 07 tuổi trở lên, nên cần phải xem xét nguyện vọng của cháu T1 và cháu T2 để giao các cháu cho một bên trực tiếp nuôi dưỡng. Tại bản tự khai của cháu T1 và cháu T2 (BL 43-44), cháu T1 và cháu T2 đều có nguyện vọng được sống cùng với chị K, chị K có nguyện vọng được tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục cháu T1 và cháu T2, đồng thời, anh T cũng đồng ý giao cháu T1 và cháu T2 cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng, giáo dục. Hơn nữa, cháu T1 và cháu T2 hiện đang sống ổn định cùng với chị K. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi của cháu T1 và cháu T2, đồng thời, đảm bảo sự phát triển bình thường và không làm xáo trộn môi trường sống của các cháu ảnh hưởng đến sự phát triển về tâm sinh lý của cháu T1 và cháu T2, nên cần tiếp tục giao cháu T1 và cháu T2 cho chị K trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng: Do chị K không yêu cầu anh T phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, xét thấy, đây là ý chí tự nguyện của chị K, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị K thống nhất xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình, anh T phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng).

[4] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của Kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Tuyên xử:

1/- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lê Văn T đối với chị Huỳnh Ngọc K, xử cho ly hôn giữa anh Lê Văn T và chị Huỳnh Ngọc K.

2/- Về con chung: Giao con chung là cháu Lê Văn T1, sinh ngày 03/6/2009 và cháu Lê Hồng T2, sinh ngày 06/6/2016 cho chị Huỳnh Ngọc K trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Lê Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do chị Huỳnh Ngọc K không yêu cầu.

Anh Lê Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3/- Về án phí sơ thẩm hôn nhân và gia đình: Anh Lê Văn T phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Anh T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011539 ngày 15 tháng 05 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hoà Bình được chuyển thu.

Án xử sơ thẩm công khai, nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hòa Bình;
- THADS huyện Hòa Bình;
- UBND xã R, thị xã G,
tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;

Phan Thị Mỹ Xuyên

